

Bản án số: **14/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 13/5/2020  
V/v: “*Không công nhận là  
vợ chồng, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Minh
2. Ông Nguyễn Nam Tiến

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên  
tòa:** Ông Lư Ngọc Quý – Kiểm sát viên.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Tuy Phong.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 539/2019/TLST-HNGĐ; ngày 04 tháng 12 năm 2019, về việc: “*Không công nhận là vợ chồng, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐHPT – HNGĐ, ngày 13/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Phạm Thị Thu H** – sinh năm 1973

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: ông **Nguyễn Văn H1** – sinh năm 1977

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn H1 tự nguyện sống chung năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông H1 chỉ hạnh

phúc khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H1 thường xuyên xúc phạm và đánh đập bà. Nhiều lần bà dẫn con bỏ trốn nhưng ông H1 tiếp tục truy đuổi và hăm dọa đánh, giết mẹ con bà. Vì lý do này mà mấy năm nay bà không thể tập trung làm ăn ổn định cuộc sống.

Nay bà không thể tiếp tục sống chung như vợ chồng với ông H1 nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận mối quan hệ giữa bà với ông H1 là vợ chồng.

Về con chung: bà và ông H1 có 01 con chung là Phạm Nguyễn Hiếu H2 sinh ngày 21/01/2015, H2 đang ở với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục con chung đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu ông H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Phạm Thị Thu H tự nguyện sống chung từ năm 2012, ông bà không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống rất hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ mà bà H đã dắt con bỏ nhà ra đi. Nay ông không đồng ý với yêu cầu của bà H vì ông cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà H không phát sinh mâu thuẫn như lời bà H trình bày.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là Phạm Nguyễn Hiếu H2 sinh ngày 21/01/2015 đang ở với bà H, ông đồng ý giao cháu H2 cho bà H nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203, 237, 239 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: không công nhận quan hệ giữa bà Phạm Thị Thu H với ông Nguyễn Văn H1 là vợ chồng.

Về con chung: giao con chung là Phạm Nguyễn Hiếu H2, sinh ngày 21/01/2015 cho bà Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: bà Phạm Thị Thu H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận, vì vậy yêu cầu khởi kiện không công nhận vợ chồng của bà Phạm Thị Thu H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình, giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H1 đã nhận văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án và có mặt khi tòa án ghi lời khai của ông nhưng đến khi xét xử tại Tòa án ông không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Nguyễn Văn H1, do ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu H HĐXX nhận thấy: Từ năm 2012 đến nay, bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Văn H1 sống chung với nhau như vợ chồng, ông bà đã có 01 con chung là Phạm Nguyễn Hiếu H2 nhưng đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống ông H1 nhiều lần đánh đập bà H, bà H đã có đơn nhờ chính quyền can thiệp nhưng ông H1 vẫn tiếp tục hành hung bà. Ngày 14/11/2019 ông Nguyễn Văn H1 đã bị Công an thị trấn Liên Hương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây thương tích cho bà Phạm Thị Thu H với số tiền 1.250.000 đồng. Kể từ đó đến nay ông bà không còn sống chung và cũng không có ý định về lại với nhau. Bà Phạm Thị Thu H yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Nguyễn Văn H1 là vợ chồng, áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Hồng.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là Phạm Nguyễn Hiếu H2, sinh ngày 21/01/201, bà H yêu cầu nhận nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu ông Hồng phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi phát sinh mâu

thuần đến nay cháu H2 ở với bà Hồng nên cần tiếp tục giao cháu H2 cho bà H nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: bà Phạm Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Áp dụng: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Không công nhận quan hệ giữa bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Văn H1 là quan hệ vợ chồng.

3/ Về con chung: giao bà Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung Phạm Nguyễn Hiếu H2, sinh ngày 21/01/2015 cho đến khi trưởng thành, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà H không được ngăn cản ông H1 quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

4/ Về án phí: bà Phạm Thị Thu H phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm **300.000** đồng theo biên lai thu số 0029744 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà H đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND tt L;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thanh Nữ Kiều Oanh**

